

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch tuyển sinh vào các trường phổ thông công lập
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm học 2017 - 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO SÓC TRĂNG

Số: 1086
Ngày: 18.4.2017
bGD, web
Chuyên: GDTiH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 40; bổ sung Điều 40A của Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông và Thông tư số 18/2014/TT-BGDĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung vào điểm a, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ trình số 771/TTr-SGDĐT ngày 04/4/2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tuyển sinh vào các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm học 2016 – 2017 (trừ Trường Trung học phổ thông (THPT) chuyên Nguyễn Thị Minh Khai và các trường dân tộc nội trú có phương án tuyển sinh riêng), với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Tuyển sinh vào các trường tiểu học và trung học cơ sở:

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển tất cả học sinh đủ điều kiện dự tuyển vào học tiểu học và trung học cơ sở (THCS) theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học và Quy chế tuyển sinh trung học.

2. Địa bàn tuyển sinh: Do Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quy định sau khi được sự thống nhất của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Việc phân địa bàn tuyển sinh phải bảo đảm khả năng tiếp nhận học sinh của các trường và thuận tiện cho việc đi lại của học sinh.

Các trường THPT có cấp THCS thực hiện việc tuyển sinh cấp THCS theo quy định của Phòng GDĐT trên địa bàn.

3. Thời gian tuyển sinh: Tiểu học và THCS xét tuyển chậm nhất là ngày 01/8/2017.

4. Hồ sơ dự tuyển: Do Phòng GDĐT cấp huyện quy định.

5. Kinh phí tuyển sinh: Không thu lệ phí tuyển sinh đối với cấp tiểu học và THCS; chi phí tuyển sinh được sử dụng từ kinh phí hoạt động của các đơn vị.

II. Tuyển sinh vào các trường trung học phổ thông:

1. Đối tượng, phương thức và hồ sơ tuyển sinh:

a) Đối tượng:

- Tất cả học sinh có hộ khẩu thường trú và đang học tập tại các trường có cấp THCS thuộc địa bàn tỉnh Sóc Trăng có độ tuổi theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Đã tốt nghiệp THCS theo chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên.

b) Phương thức tuyển sinh: Tổ chức tuyển sinh theo hình thức thi tuyển kết hợp xét tuyển.

c) Hồ sơ tuyển sinh:

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

- Học bạ cấp THCS;

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời, hoặc bằng tốt nghiệp THCS, hoặc bản sao bằng tốt nghiệp THCS;

- Giấy xác nhận các chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);

- Giấy xác nhận do UBND xã, phường, thị trấn cấp (đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm trước) không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật.

2. Chế độ tuyển thẳng:

a) Tuyển thẳng vào tất cả các trường THPT đối với những học sinh đạt giải nhất, nhì, ba cấp tỉnh hoặc đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa (gồm thi học sinh giỏi lớp 9, thi giải toán bằng máy tính cầm tay, thi giải Toán, Vật lý, tiếng anh qua internet, thi Văn hay chữ tốt); văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học do Sở GDĐT hoặc Bộ GDĐT tổ chức.

b) Tuyển thẳng vào các trường THPT (trừ trường THPT Hoàng Diệu) đối với các đối tượng sau đây:

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Học sinh là người dân tộc rất ít người;
- Học sinh khuyết tật.

3. Thời gian, nội dung thi và điều kiện trúng tuyển:

a) Thời gian, địa điểm, nội dung thi:

a.1) Ngày thi tuyển: 17/6/2017 và 18/6/2017.

a.2) Địa điểm thi: Học sinh đăng ký tuyển sinh vào trường nào sẽ nộp hồ sơ và thi tại trường đó.

a.3) Môn thi, hình thức và nội dung thi: Học sinh thi ba môn Ngữ văn (hệ số 2), Toán (hệ số 2) và tiếng Anh (hệ số 1). Các môn đều thi theo hình thức tự luận, riêng môn Tiếng Anh kết hợp cả hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan. Nội dung thi nằm trong chương trình THCS hiện hành, chủ yếu là lớp 9.

a.4) Thời gian làm bài thi

- Môn Ngữ văn và môn Toán là 120 phút.
- Môn tiếng Anh là 60 phút.

a.5) Lịch thi

| Ngày | Buổi | Môn thi | Giờ phát đề thi cho thí sinh | Bắt đầu tính giờ làm bài |
|-----------|-------|-----------|------------------------------|--------------------------|
| 17/6/2017 | Sáng | Ngữ văn | 07 giờ 55 | 08 giờ 00 |
| | Chiều | Tiếng Anh | 13 giờ 55 | 14 giờ 00 |
| 18/6/2017 | Sáng | Toán | 07 giờ 55 | 08 giờ 00 |

b) Điểm học tập và rèn luyện các lớp cấp THCS:

Điểm học tập và rèn luyện mỗi năm học của học sinh THCS được tính như sau:

- Hạnh kiểm tốt, học lực giỏi: 5,0 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực khá: 4,5 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực khá: 4,0 điểm.
- Hạnh kiểm trung bình, học lực giỏi hoặc hạnh kiểm tốt, học lực trung bình: 3,5 điểm.
- Hạnh kiểm khá, học lực trung bình hoặc hạnh kiểm trung bình, học lực khá: 3,0 điểm.
- Các trường hợp còn lại: 2,5 điểm.

* Lưu ý: Nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

c) Điểm ưu tiên, điểm khuyến khích:

c.1) Điểm ưu tiên: Dựa vào đối tượng ưu tiên quy định tại quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT để xác định điểm ưu tiên như sau:

- Nhóm đối tượng 1: cộng 2,0 điểm.
- Nhóm đối tượng 2: cộng 1,5 điểm.
- Nhóm đối tượng 3: cộng 1,0 điểm.

c.2) Điểm khuyến khích: Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở GDĐT tổ chức ở cấp trung học cơ sở:

- Loại giỏi: cộng 1,5 điểm.
- Loại khá: cộng 1,0 điểm;
- Loại trung bình: cộng 0,5 điểm.

d) Điểm xét tuyển (ĐXT)

ĐXT = (Tổng số điểm của ba bài thi, có tính hệ số) + (Tổng số điểm học tập và rèn luyện của 4 năm học ở cấp THCS) + (Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích).

e) Nguyên tắc xét trúng tuyển

e.1) Thí sinh trúng tuyển phải không có bài thi nào bị điểm dưới 1.

e.2) Dựa vào điểm xét tuyển (ĐXT) để xét trúng tuyển cho thí sinh theo nguyên tắc điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu nhiều học sinh có điểm bằng nhau thì lấy tổng điểm ba bài thi (sau khi tính hệ số) để xét từ cao đến thấp; nếu vẫn có trường hợp bằng điểm sẽ lấy tổng điểm học tập và rèn luyện của 4 năm học ở cấp THCS để xét từ cao đến thấp.

** Lưu ý: Thí sinh đăng ký dự tuyển vào Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai nếu không trúng tuyển được thi vào các trường THPT khác trong tỉnh với điều kiện thí sinh có nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển vào trường THPT đó.*

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Theo phụ lục đính kèm Quyết định này.

5. Kinh phí: Tất cả các trường phổ thông không thu lệ phí tuyển sinh.

Điều 2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố và các trường phổ thông tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm học 2017 – 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các đối tượng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ggh*

- Như Điều 3.
- Lưu: VX, HC.



Ngô Hùng



Phụ lục

Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2017 - 2018

(Kèm theo Quyết định số **844** /QĐ-UBND ngày **17**/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)

| Số TT | Tên trường | Chỉ tiêu tuyển sinh | Ghi chú |
|------------------|--------------------------|---------------------|---------|
| 2 | THPT Hoàng Diệu | 600 | |
| 2 | THPT Thành phố Sóc Trăng | 500 | |
| 3 | THPT Kế Sách | 550 | |
| 4 | THPT An Lạc Thôn | 350 | |
| 5 | THPT Phan Văn Hùng | 250 | |
| 6 | THPT Thiều Văn Chỏi | 350 | |
| 7 | THPT Huỳnh Hữu Nghĩa | 410 | |
| 8 | THPT Mỹ Hương | 130 | |
| 9 | THPT An Ninh | 250 | |
| 10 | THCS & THPT Mỹ Thuận | 150 | |
| 11 | THPT Mỹ Xuyên | 550 | |
| 12 | THPT Văn Ngọc Chính | 320 | |
| 13 | THPT Hòa Tú | 250 | |
| 14 | THPT Ngọc Tố | 200 | |
| 15 | THPT Lương Định Của | 290 | |
| 16 | THPT Đại Ngãi | 450 | |
| 17 | THPT Tân Thạnh | 280 | |
| 18 | THPT Đoàn Văn Tố | 300 | |
| 19 | THPT An Thạnh 3 | 200 | |
| 20 | THPT Trần Văn Bảy | 560 | |
| 21 | THPT Thạnh Tân | 300 | |
| 22 | THCS & THPT Hưng Lợi | 160 | |
| 23 | THPT Mai Thanh Thế | 500 | |
| 24 | THPT Lê Văn Tám | 250 | |
| 25 | THPT Ngã Năm | 220 | |
| 26 | THPT Nguyễn Khuyến | 400 | |
| 27 | THPT Vĩnh Hải | 200 | |
| 28 | THCS & THPT Lai Hòa | 200 | |
| 29 | THCS & THPT Khánh Hòa | 180 | |
| 30 | THPT Thuận Hòa | 380 | |
| 31 | THPT Phú Tâm | 230 | |
| 32 | THPT Lịch Hội Thượng | 350 | |
| 33 | THCS & THPT Trần Đề | 250 | |
| Tổng cộng | | 10.560 | |